

Số: /QĐ-LN-PTR Hà Nội, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận giống cây trồng lâm nghiệp

CỤC TRƯỞNG CỤC LÂM NGHIỆP

Căn cứ Quyết định số 1589/QĐ-BNN-TCCB ngày 19/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Lâm nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 22/2021/TT-BNNPTNT ngày 29/12/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định danh mục loài cây trồng lâm nghiệp chính; công nhận giống và nguồn giống cây trồng lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 83/QĐ-TCLN-PTR ngày 24/3/2022 của Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng thẩm định công nhận giống cây trồng lâm nghiệp;

Xét văn bản đề nghị số 05/KH-CNG ngày 13/3/2023 của Viện Cải thiện giống và Phát triển lâm sản về việc công nhận giống cây trồng lâm nghiệp;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phát triển rừng và Chánh Văn phòng Cục Lâm nghiệp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận giống cây trồng lâm nghiệp cho 03 giống Tràm năm gân: Q23.127, Q15.013, Q16.427 và 04 giống Tràm trà: A38, A36.217, A26.218, A32.23 do Viện Cải thiện giống và Phát triển lâm sản thuộc Hội khoa học kỹ thuật Lâm nghiệp Việt Nam nghiên cứu, khảo nghiệm mở rộng.

(Chi tiết tại Danh mục giống cây trồng lâm nghiệp được công nhận và thông tin cơ bản của khảo nghiệm tại phụ lục kèm theo).

Điều 2. Trách nhiệm thực hiện sau công nhận giống

1. Viện Cải thiện giống và Phát triển lâm sản chịu trách nhiệm lưu giữ mẫu giống gốc; phổ biến, hướng dẫn kỹ thuật gây trồng đối với các giống được công nhận nêu trên.

2. Phòng Phát triển rừng công bố Quyết định công nhận giống; chỉ đạo quản lý chặt chẽ việc sản xuất và cung ứng giống đã được công nhận.

Điều 3. Các ông (bà) Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Phát triển rừng - Cục Lâm nghiệp và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục trưởng Trần Quang Bảo (để báo cáo);
- Sở NN&PTNT các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Lưu: VT, PTR.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Triệu Văn Lực

**DANH MỤC GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP ĐƯỢC CÔNG NHẬN
VÀ THÔNG TIN CƠ BẢN CỦA KHẢO NGHIỆM**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-LN-PTR ngày tháng năm 2023
của Cục trưởng Cục Lâm nghiệp)

**A. DANH MỤC GIỐNG GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP
ĐƯỢC CÔNG NHẬN**

1. Dòng Tràm năm gân Q23.127

- Mã số giống mới được công nhận: TNG.BV.17.01
- Vùng trồng đã được công nhận: Ba Vì - Hà Nội, Thanh Hóa - Long An (tại Quyết định số 3229/QĐ-BNN-TCLN ngày 01/8/2017).
- Vùng trồng công nhận bổ sung: Tân Lạc - Hòa Bình; Quế Sơn - Quảng Nam và những nơi có điều kiện lập địa tương tự.
- Năng suất, chất lượng: Năng suất tinh dầu năm thứ ba sau khi trồng tại Tân Lạc - Hòa Bình đạt 388,4 kg/ha ; tại Quế Sơn - Quảng Nam đạt 165,5 kg/ha. Chất lượng tinh dầu năm thứ ba sau khi trồng tại Tân Lạc - Hòa Bình: tỉ lệ 1,8-cineole là 72,63%, tỉ lệ limonene là 4,01%; tại Quế Sơn- Quảng Nam: tỉ lệ 1,8-cineole là 68,53%, tỉ lệ limonene là 4,94%. Giống chưa bị sâu bệnh.
- Tác giả khảo nghiệm mở rộng: Nguyễn Thị Thanh Hương, Nguyễn Văn Dư, Lê Đình Khả, Hoàng Thanh Lộc và tập thể cán bộ Viện Cải thiện giống và Phát triển lâm sản.

2. Dòng Tràm năm gân Q15.013

- Mã số giống mới được công nhận: TNG.BV.17.04
- Vùng trồng đã được công nhận: Ba Vì - Hà Nội (tại Quyết định số 3229/QĐ-BNN-TCLN ngày 01/8/2017).
- Vùng trồng công nhận bổ sung: Tân Lạc - Hòa Bình, Quế Sơn - Quảng Nam và những nơi có điều kiện lập địa tương tự.
- Năng suất, chất lượng: Năng suất tinh dầu năm thứ ba sau khi trồng tại Tân Lạc - Hòa Bình đạt 200,9 kg/ha; tại Quế Sơn - Quảng Nam đạt 112,2 kg/ha. Chất lượng tinh dầu năm thứ ba sau khi trồng tại Tân Lạc - Hòa Bình: tỉ lệ 1,8-cineole là 65,99%, tỉ lệ limonene là 5,11%; tại Quế Sơn- Quảng Nam: tỉ lệ 1,8-cineole là 70,84%, tỉ lệ limonene là 4,11%. Giống chưa bị sâu bệnh.
- Tác giả khảo nghiệm mở rộng: Nguyễn Thị Thanh Hương, Nguyễn Văn Dư, Lê Đình Khả, Hoàng Thanh Lộc và tập thể cán bộ Viện Cải thiện giống và Phát triển lâm sản

3. Dòng Trà năm gân Q16.427

- Mã số giống mới được công nhận: TNG.BV.17.06
- Vùng trồng đã được công nhận: Ba Vì - Hà Nội (tại Quyết định số 3229/QĐ-BNN-TCLN ngày 01/8/2017).
- Vùng trồng công nhận bổ sung: Tân Lạc - Hòa Bình và những nơi có điều kiện lập địa tương tự.
- Năng suất, chất lượng: Năng suất tinh dầu năm thứ ba sau khi trồng tại Tân Lạc - Hòa Bình đạt 204,7 kg/ha. Chất lượng tinh dầu năm thứ ba sau khi trồng tại Tân Lạc - Hòa Bình: tỉ lệ 1,8-cineole là 67,23%, tỉ lệ limonene là 4,29%. Giống chưa bị sâu bệnh.
- Tác giả khảo nghiệm mở rộng: Nguyễn Thị Thanh Hương, Nguyễn Văn Dư, Lê Đình Khả, Hoàng Thanh Lộc và tập thể cán bộ Viện Cải thiện giống và Phát triển lâm sản

4. Gia đình Trà trà A38

- Mã số giống mới được công nhận: TT.BV.12.13
- Vùng trồng đã được công nhận: Ba Vì - Hà Nội (tại Quyết định số 769/QĐ-BNN-TCLN ngày 23/4/2012).
- Vùng trồng công nhận bổ sung: Tân Lạc - Hòa Bình; Tam Điệp - Ninh Bình và những nơi có điều kiện lập địa tương tự.
- Năng suất, chất lượng: Năng suất tinh dầu năm thứ ba sau khi trồng tại Tân Lạc - Hòa Bình đạt 244,5 kg/ha; tại Tam Điệp - Ninh Bình đạt 322,6 kg/ha. Chất lượng tinh dầu năm thứ ba sau khi trồng tại Tân Lạc - Hòa Bình: tỉ lệ terpinen-4-ol là 46,98%, tỉ lệ 1,8-cineole là 0,50%; tại Tam Điệp - Ninh Bình: tỉ lệ terpinen-4-ol là 46,71%, tỉ lệ 1,8-cineole là 0,49%.
- Tác giả khảo nghiệm mở rộng: Nguyễn Thị Thanh Hương, Nguyễn Văn Dư, Lê Đình Khả, Hoàng Thanh Lộc và tập thể cán bộ Viện Cải thiện giống và Phát triển lâm sản.

5. Dòng Trà trà A36.217

- Mã số giống mới được công nhận: TT.BV.17.10
- Vùng trồng đã được công nhận: Ba Vì - Hà Nội (tại Quyết định số 3229/QĐ-BNN-TCLN ngày 01/8/2017).
- Vùng trồng công nhận bổ sung: Tân Lạc - Hòa Bình ; Tam Điệp - Ninh Bình và những nơi có điều kiện lập địa tương tự.
- Năng suất, chất lượng: Năng suất tinh dầu năm thứ ba sau khi trồng tại Tân Lạc - Hòa Bình đạt 231,6 kg/ha; tại Tam Điệp - Ninh Bình đạt 318,1 kg/ha. Chất lượng tinh dầu năm thứ ba sau khi trồng tại Tân Lạc - Hòa Bình: tỉ lệ terpinen-4-ol là 47,69%, tỉ lệ 1,8-cineole là 0,53%; tại Tam Điệp - Ninh Bình: tỉ lệ terpinen-4-ol là 46,01%, tỉ lệ 1,8-cineole là 0,49%.

- Tác giả khảo nghiệm mở rộng: Nguyễn Thị Thanh Hương, Nguyễn Văn Dư, Lê Đình Khả, Hoàng Thanh Lộc và tập thể cán bộ Viện Cải thiện giống và Phát triển lâm sản.

6. Dòng Tràm trà A26.218

- Mã số giống mới được công nhận: TT.BV.17.14

- Vùng trồng đã được công nhận: Ba Vì - Hà Nội (tại Quyết định số 3229/QĐ-BNN-TCLN ngày 01/8/2017).

- Vùng trồng công nhận bổ sung: Tân Lạc - Hòa Bình và những nơi có điều kiện lập địa tương tự.

- Năng suất, chất lượng: Năng suất tinh dầu năm thứ ba sau khi trồng tại Tân Lạc - Hòa Bình đạt 312,0 kg/ha. Chất lượng tinh dầu năm thứ ba sau khi trồng ở Tân Lạc - Hòa Bình: tỉ lệ terpinen-4-ol là 47,28%, tỉ lệ 1,8-cineole là 0,48%.

- Tác giả khảo nghiệm mở rộng: Nguyễn Thị Thanh Hương, Nguyễn Văn Dư, Lê Đình Khả, Hoàng Thanh Lộc và tập thể cán bộ Viện Cải thiện giống và Phát triển lâm sản.

7. Dòng Tràm trà A32.23

- Mã số giống mới được công nhận: TT.BV.17.12

- Vùng trồng đã được công nhận: Ba Vì - Hà Nội (tại Quyết định số 3229/QĐ-BNN-TCLN ngày 01/8/2017).

- Vùng trồng công nhận bổ sung: Tam Điệp - Ninh Bình và những nơi có điều kiện lập địa tương tự.

- Năng suất, chất lượng: Năng suất tinh dầu năm thứ ba sau khi trồng tại Tam Điệp - Ninh Bình đạt 301,9 kg/ha. Chất lượng tinh dầu năm thứ ba sau khi trồng tại Tam Điệp - Ninh Bình: tỉ lệ terpinen-4-ol là 47,47%, tỉ lệ 1,8-cineole là 2,6%.

- Tác giả khảo nghiệm mở rộng: Nguyễn Thị Thanh Hương, Nguyễn Văn Dư, Lê Đình Khả, Hoàng Thanh Lộc và tập thể cán bộ Viện Cải thiện giống và Phát triển lâm sản.

B. THÔNG TIN CƠ BẢN CỦA KHẢO NGHIỆM

1. Khảo nghiệm mở rộng các giống Tràm năm gân tại Tân Lạc- Hòa Bình

Khảo nghiệm mở rộng vùng trồng các giống Tràm năm gân trồng tháng 10 năm 2019 tại xã Thanh Hối, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình, do Hợp tác xã Tân Lạc Sơn quản lý; diện tích khảo nghiệm 0,15 ha; mật độ trồng: 11.100 cây/ha, cự ly 1,5 x 0,6 m; 6 công thức thí nghiệm, 4 lần lặp, 30 cây/công thức/lặp.

a) Điều kiện tự nhiên nơi khảo nghiệm:

- Độ cao so với mặt biển: 98 m.

- Độ dốc: 5⁰ - 6⁰.

- Nhiệt độ trung bình hàng năm: 23,2⁰C.
- Lượng mưa trung bình hàng năm: 1.910 mm.
- Mùa mưa: tập trung từ tháng 5 đến tháng 10.
- Loại đất: Đất ruộng chân đồi.
- Độ sâu tầng đất: >1m.

b) Biện pháp kỹ thuật lâm sinh cơ bản áp dụng cho khảo nghiệm:

- Kỹ thuật xử lý thực bì: Phát dọn thực bì toàn diện.
- Cuốc hố trồng rừng: Kích thước hố 25 x 25 x 25 cm.
- Bón phân năm thứ nhất: Bón sau khi trồng 1 tháng, lượng bón: 150 gam NPK (5:10:3)/cây, bón cách gốc 10 cm, kết hợp với vun gốc.
- Chăm sóc năm thứ nhất: Phát dọn thực bì 2 lần, xới cỏ vun gốc 2 lần.
- Chăm sóc năm thứ hai: Phát dọn thực bì 4 lần, xới cỏ vun gốc 2 lần. Bón 1 kg phân gà + 100 gam lân nung chảy + 50 gam vôi bột.
- Chăm sóc năm thứ ba và các năm tiếp theo: Phát dọn thực bì 4 lần, xới cỏ vun gốc 2 lần. Bón 1 kg phân gà + 100 gam lân nung chảy + 50 gam vôi bột.

2. Khảo nghiệm mở rộng các giống Tràm năm gân tại Quế Sơn- Quảng Nam

Khảo nghiệm ở rộng vùng trồng các giống Tràm năm gân trồng tháng 12 năm 2019 tại xã Quế Mỹ, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam, do Cơ sở sản xuất tinh dầu tràm Thảo Nguyên quản lý; diện tích khảo nghiệm 0,15 ha; mật độ trồng: 11.100 cây/ha, cự ly 1,5 x 0,6 m; 6 công thức thí nghiệm, 4 lần lặp, 30 cây/công thức/lặp.

a) Điều kiện tự nhiên nơi khảo nghiệm:

- Độ cao so với mặt biển: 5 m.
- Độ dốc: <5⁰.
- Nhiệt độ trung bình hàng năm: 25,7⁰C.
- Lượng mưa trung bình hàng năm: 2.041 mm.
- Mùa mưa: Tập trung từ tháng 9 đến tháng 12 .
- Loại đất: Đất cát.
- Độ sâu tầng đất: >1m.

b) Biện pháp kỹ thuật lâm sinh cơ bản áp dụng cho khảo nghiệm:

- Kỹ thuật xử lý thực bì: Phát dọn thực bì toàn diện.
- Cuốc hố trồng rừng: Kích thước hố 25 x 25 x 25 cm.
- Bón phân năm thứ nhất: Bón sau khi trồng 1 tháng, lượng bón: 150 gam NPK(5:10:3)/cây, bón cách gốc 10 cm, kết hợp với vun gốc.

- Chăm sóc năm thứ nhất: Phát dọn thực bì 2 lần, xới cỏ vun gốc 2 lần.
- Chăm sóc năm thứ hai: Phát dọn thực bì 4 lần, xới cỏ vun gốc 2 lần. Bón 300g phân vi sinh Quế Lâm + 100 gam lân nung chảy + 50 gam vôi bột.
- Chăm sóc năm thứ ba và các năm tiếp theo: Phát dọn thực bì 4 lần, xới cỏ vun gốc 2 lần. Bón 300g phân vi sinh Quế Lâm + 100 gam lân nung chảy + 50 gam vôi bột.

3. Khảo nghiệm mở rộng các giống Tràm trà tại Tân Lạc- Hòa Bình

Khảo nghiệm ở rộng vùng trồng các giống Tràm trà trồng tháng 10 năm 2019 tại xã Thanh Hối, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình, do Hợp tác xã Tân Lạc Sơn quản lý; diện tích khảo nghiệm 0,15 ha; mật độ trồng: 11.100 cây/ha, cự ly 1,5 x 0,6 m; 5 công thức thí nghiệm, 4 lần lặp, 30 cây/công thức/lặp; riêng lặp III và lặp IV số cây là 26 cây/công thức/lặp.

a) Điều kiện tự nhiên nơi khảo nghiệm

- Độ cao so với mặt biển: 98 m.
- Độ dốc: 5⁰ - 6⁰.
- Nhiệt độ trung bình hàng năm: 23,2⁰C.
- Lượng mưa trung bình hàng năm: 1.910 mm.
- Mùa mưa: tập trung từ tháng 5 đến tháng 10.
- Loại đất: Đất ruộng chân đồi.
- Độ sâu tầng đất: >1m.

a) Biện pháp kỹ thuật lâm sinh cơ bản áp dụng cho khảo nghiệm:

- Kỹ thuật xử lý thực bì: Phát dọn thực bì toàn diện.
- Cuốc hố trồng rừng: Kích thước hố 25 x 25 x 25 cm.
- Bón phân năm thứ nhất: Bón sau khi trồng 1 tháng, lượng bón: 150 gam NPK(5:10:3)/cây, bón cách gốc 10 cm, kết hợp với vun gốc.
- Chăm sóc năm thứ nhất: Phát dọn thực bì 2 lần, xới cỏ vun gốc 2 lần.
- Chăm sóc năm thứ hai: Phát dọn thực bì 4 lần, xới cỏ vun gốc 2 lần; bón 1 kg phân gà + 100 gam lân nung chảy + 50 gam vôi bột.
- Chăm sóc năm thứ ba và các năm tiếp theo: Phát dọn thực bì 4 lần, xới cỏ vun gốc 2 lần; bón 1 kg phân gà + 100 gam lân nung chảy + 50 gam vôi bột.

4. Khảo nghiệm mở rộng các giống Tràm trà tại Tam Điệp- Ninh Bình

Khảo nghiệm ở rộng vùng trồng các giống Tràm trà trồng tháng 10 năm 2019 tại xã Đông Sơn, thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình, do Hợp tác xã Yên Bình quản lý; diện tích khảo nghiệm 0,15 ha; mật độ trồng: 11.100 cây/ha, cự ly 1,5 x 0,6 m; 5 công thức thí nghiệm, 4 lần lặp, 30 cây/công thức/lặp.

a) Điều kiện tự nhiên nơi khảo nghiệm:

- Độ cao so với mặt biển: 12 m.
- Độ dốc: $< 5^{\circ}$.
- Nhiệt độ trung bình hàng năm: $23,4^{\circ}\text{C}$.
- Lượng mưa trung bình hàng năm: 1.822 mm.
- Mùa mưa: tập trung từ tháng 5 đến tháng 10.
- Loại đất: Đất đồi gò.
- Độ sâu tầng đất: $>1\text{m}$.

b) Biện pháp kỹ thuật lâm sinh cơ bản áp dụng cho khảo nghiệm:

- Kỹ thuật xử lý thực bì: Phát dọn thực bì toàn diện.
- Cuốc hố trồng rừng: Kích thước hố 25 x 25 x 25 cm.
- Bón phân năm thứ nhất: Bón sau khi trồng 1 tháng, lượng bón: 150 gam NPK(5:10:3)/cây, bón cách gốc 10 cm, kết hợp với vun gốc.
- Chăm sóc năm thứ nhất: Phát dọn thực bì 2 lần, xới cỏ vun gốc 2 lần.
- Chăm sóc năm thứ hai: Phát dọn thực bì 4 lần, xới cỏ vun gốc 2 lần. Bón 1 kg phân gà + 100 gam lân nung chảy + 50 gam vôi bột.
- Chăm sóc năm thứ ba và các năm tiếp theo: Phát dọn thực bì 4 lần, xới cỏ vun gốc 2 lần. Bón 1 kg phân gà + 100 gam lân nung chảy + 50 gam vôi bột./.